

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 4482/2024/DS-ST
Ngày: 20/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Lưu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Tiến Dũng
- Bà Nguyễn Thị Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1653/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5904/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa 7073/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1/ Ông Huỳnh Thế V, sinh năm 1983

Địa chỉ: số nhà E Đường số E, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện của ông Huỳnh Thế V theo ủy quyền: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1984 (Giấy ủy quyền ngày 28/10/2023).

2/ Bà Đặng Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: số nhà E Đường số E, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1/ Ông Trần Hiếu T, sinh năm 1993

2/ Bà Lưu Thị Thùy S, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: số nhà E Đường số E, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông V, bà H có mặt; ông T vắng mặt; bà S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 10 năm 2023, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày:

Vì có mối quan hệ thân thiết trong gia đình (chồng bà H là cậu ruột của bà Lưu Thị Thùy S), nên từ năm 2020 đến năm 2022, vợ chồng bà H có cho vợ chồng ông Trần Hiếu T, bà Lưu Thị Thùy S vay một số tiền để làm ăn, cụ thể như sau:

Năm 2020 cho vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng; Năm 2021 có cho vay số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng; Năm 2022 có cho vay số tiền 30.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng; tổng cộng là 120.000.000 đồng, đối với khoản vay này, vợ chồng ông T, bà S trả tiền lãi đầy đủ nhưng chưa trả tiền gốc.

Đến ngày 30/6/2022, giữa hai bên (vợ chồng ông V, bà H và vợ chồng ông T, bà S) thống nhất sẽ xác lập một hợp đồng vay tiền, gom hết số tiền gốc vợ chồng bà H đã cho ông T, bà S vay thành một hợp đồng vay tiền mới, nội dung: ông T, bà S vay của vợ chồng bà H số tiền 120.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm, từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/6/2023, không quy định về lãi suất, tuy nhiên hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 5%/ tháng.

Từ khi xác lập hợp đồng vay tiền ngày 30/6/2022 đến nay, vợ chồng ông T, bà S chưa trả cho vợ chồng bà H bất kỳ khoản tiền nào và khi hết hạn hợp đồng vay là ngày 30/6/2023 cho đến nay, vợ chồng ông T, bà S cũng không thanh toán nợ vay cho vợ chồng bà H theo như thỏa thuận.

Nay vợ chồng ông V, bà H khởi kiện yêu cầu yêu cầu vợ chồng ông Trần Hiếu T và bà Lưu Thị Thùy S phải trả nợ cho vợ chồng V, bà H số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 15/02/2023 đến ngày 31/5/2024 là 30.000.000 đồng (làm tròn) theo mức lãi suất 20%/năm và tiền lãi tiếp tục phát sinh từ ngày 01/6/2024 cho đến khi trả hết số nợ gốc.

Nguyên đơn ông Huỳnh Thế V trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của bà H.

Tại bản tự khai ngày 03/5/2024, bị đơn ông Trần Hiếu T đã trình bày như sau:

Vào đầu năm 2020 vợ chồng ông được vợ chồng ông Huỳnh Thế V, bà Đặng Thị H cho vay số tiền 50.000.000 đồng, để làm ăn, lãi suất 05%/ tháng. Năm 2021, bà H tiếp tục cho mượn số tiền 40.000.000 đồng, trong đó 20.000.000 đồng lãi suất 04%/ tháng và 20.000.000 đồng lãi suất 05%/tháng. Vào cuối năm 2022, bà H có cho vay thêm số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất

05%/tháng. Ngày 30/6/2022, bà H cộng khác khoản vay trên thành “Hợp đồng vay tiền”. Đối với khoản vay này, vợ chồng ông T, bà S vẫn trả tiền lãi cho đến tháng 2/2023 thì hết khả năng chi trả do làm ăn kinh tế khó khăn. Vì vậy, hiện nay vợ chồng ông T, bà S đồng ý trả số tiền gốc trên theo từng tháng, trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ gốc và đề nghị không trả lãi do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, ông H1, bà S còn phải nuôi hai con nhỏ.

Tại bản tự khai ngày 03/5/2024, bị đơn bà Lưu Thị Thùy S đã trình bày:

Bà S xác nhận vợ chồng bà S, ông T có vay của vợ chồng ông V, bà H số tiền 120.000.000 đồng. Bà S thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của chồng bà là ông Trần Hiếu T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu tại hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa có cơ sở xác định nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 120.000.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu giải quyết tiền lãi, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn cung cấp. Hội đồng xét xử xét thấy vụ án có

quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, được pháp luật quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Trần Hiếu T và bà Lưu Thị Thùy S có nơi cư trú tại phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Trần Hiếu T đã được Tòa án tổng đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Bà Lưu Thị Thùy S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà S theo quy định tại Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Thế V, bà Đặng Thị H rút bớt một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu Tòa án giải quyết buộc bị đơn là ông Trần Hiếu T và bà Lưu Thị Thùy S có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 120.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thế V, bà Đặng Thị H đã được bị đơn ông T, bà S thừa nhận, đồng ý trả nợ nên các bên đương sự không phải chứng minh theo quy định Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét: Nguyên đơn ông Huỳnh Thế V, bà Đặng Thị H và bị đơn ông Trần Hiếu T, bà Lưu Thị Thùy S đã thỏa thuận được với nhau về tiền gốc phải trả. Tuy nhiên về phương thức trả nợ giữa các bên đương sự không thỏa thuận được. Bị đơn T, bà S có ý kiến được trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả số tiền 3.000.000 đồng, trả dần cho đến khi hết số tiền nhưng ông V, bà H không đồng ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận phương thức trả nợ theo yêu cầu của bị đơn mà buộc bị đơn ông T, bà S có nghĩa vụ trả nợ cho ông V, bà H ngay sau khi bản án có hiệu lực là phù hợp pháp luật.

Đối với khoản tiền lãi: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn ông Huỳnh Thế V, bà Đặng Thị H yêu cầu bị đơn ông T, bà S trả lãi số tiền là 30.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 119; Điều 463; Điều 465; Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thế V và bà Đặng Thị H.

Buộc ông Trần Hiếu T và bà Lưu Thị Thùy S có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Thế V và bà Lưu Thị Thùy S số tiền nợ gốc là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Thế V và bà Đặng Thị H đối với yêu cầu ông Trần Hiếu T và bà Lưu Thị Thu S1 trả số tiền lãi 30.000.000 (Ba mươi triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Hiếu T và bà Lưu Thị Thùy S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000 (sáu triệu) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn ông Huỳnh Thế V và bà Đặng Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.750.000 (ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0005478 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, biên lai thu trên dịch vụ công số 2320210304886559 ngày 26/10/2023.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”/.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- CC THADS TP. Thủ Đức ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Quốc Lưu